

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Số/No: 20/QM-DNPBG

- | | | |
|----|--|---------------------------------|
| 1. | Tên mẫu/Name of sample: | Theo phụ lục |
| 2. | Vị trí lấy mẫu: Sampling location: | Theo phụ lục |
| 3. | Mã mẫu | Theo phụ lục |
| 4. | Tên/địa chỉ khách hàng: Name/Address of customer | Nhà máy nước sạch DNP Bắc Giang |
| 5. | Mô tả mẫu/Description: | 04 Chai nhựa 1000 mL |
| 6. | Ngày nhận mẫu/Date of receiving: | 02/02/2021 |
| 7. | Người lấy/gửi mẫu/Sample taking: | Diệp Văn Hùng |
| 8. | Thời gian thử nghiệm/ testing time: | 02/02 - 08/02/2021 |
| 9. | Kết quả thử nghiệm/Test result: | |

TT No	Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Test result				Giới hạn cho phép Regular limit QCVN01-1:2018/BYT	Kết luận Conclusion
				01	02	03	04		
1	Coliform ^(*)	TCVN 6187-1:2009	CFU/100 mL	0	0	0	0	< 3	Đạt
2	E. coli ^(*)	TCVN 6187-1:2009	CFU/100 mL	0	0	0	0	< 1	Đạt
3	As tổng số ^(*)	SMEWW 3113B	µg/L	< 3	< 3	< 3	< 3	10	Đạt
4	Clo dư tự do ^(*)	SMEWW 4500 Cl F	mg/L	0.80	0.63	0.57	0.32	0.2 – 1.0	Đạt
5	Độ đục ^(*)	TCVN 6184:1996	NTU	0.15	0.17	0.15	0.30	2	Đạt
6	Màu sắc	TCVN 6185:1996	TCU	< 3	< 3	< 3	< 3	15	Đạt
7	Mùi, vị ^(*)	Cảm quan	mg/L	Không mùi, vị lạ	Không mùi, vị lạ	Không mùi, vị lạ	Không mùi, vị lạ	Không mùi, vị lạ	Đạt
8	pH ^(*)	TCVN 6492:1999	mg/L	7.55	7.49	7.51	7.33	6.0 - 8.5	Đạt
9	Chỉ số ^(*) Permanganat	TCVN 6186:1996	mg/L	0.51	0.77	0.77	< 0.50	2	Đạt
10	Độ cứng ^(*)	SMEWW 2340C	mg/L	114	108	112	132	300	Đạt
11	Clorua, Cl ^(*)	TCVN 6194:1996	mg/L	14.46	15.87	18.17	17.99	250	Đạt
12	Mn tổng số ^(*)	SMEWW 3111B	mg/L	KPH	KPH	KPH	KPH	0.1	Đạt
13	Nhôm	SMEWW 3500-AL B	mg/L	0.04	0.05	0.02	0.05	0.2	Đạt
14	Nitrat (N-NO ₃) ^(*)	TCVN 6180 :1996	mg/L	0.39	0.39	0.72	1.15	2	Đạt
15	Nitrit (N-NO ₂) ^(*)	SMEWW4500 NO ₂ B	µg/L	KPH	KPH	KPH	KPH	0.05	Đạt
16	Sắt tổng số ^(*)	SMEWW 3111B	mg/L	KPH	KPH	KPH	0.18	0.3	Đạt
17	Sunphat (SO ₄ ²⁻)	US EPA 375.4	mg/L	8.24	8.96	7.95	9.21	250	Đạt

Ghi chú:

- ^(*): Phép thử được công nhận VILAS.
- QCVN 01-1:2018/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước dùng cho mục đích sinh hoạt.
- KPH: Không phát hiện; giới hạn phát hiện của NO₃: 0.0015 mg/L; Mn: 0.01 mg/L; Fe: 0.015 mg/L.

Bắc Giang, ngày 08 tháng 02 năm 2021

XÉT NGHIỆM VIÊN

PHÒNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG

CÔNG TY CPĐT HẠ TẦNG NƯỚC

Đào Thị Ngọc Hà

Nguyễn Mạnh Cường



- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/Test results are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Phòng Quản lý chất lượng. The test report must not be reproduced without the written approval of Quality control department.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
- Phiếu kết quả này được làm thành 02 bản: 01 bản trả cho khách hàng, 01 bản lưu tại Phòng QLCL/ The test result are printed in 02 documents; 01 document is given to customer; 01 document is stored at Quality control department.

GIÁM ĐỐC
Trịnh Đức Hoàng

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Số/No: 20/QM-DNPBG

PHỤ LỤC

TT	Mã mẫu	Vị trí lấy mẫu	Tên mẫu	Ký hiệu mẫu
1	0221114/428	Sau bơm II, Nhà máy nước DNP Bắc Giang	Nước sinh hoạt	01
2	0221114/429	Điểm đầu nối Minh Khai	Nước sinh hoạt	02
3	0221114/430	Điểm đầu nối Song Khê	Nước sinh hoạt	03
4	0221114/431	Hộ dân NguyễnThị Sự, Cao Thượng, Tân Hưng, huyện Lạng Giang.	Nước sinh hoạt	04

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/Test results are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Phòng Quản lý chất lượng/
The test report must not be reproduced without the written approval of Quality control department.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
- Phiếu kết quả này được làm thành 02 bản: 01 bản trả cho khách hàng, 01 bản lưu tại Phòng QLCL/
The test result are printed in 02 documents; 01 document is given to customer; 01 document is stored at Quality control department

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Số/No: 23/QM-DNPBG

- | | |
|---|---------------------------------|
| 1. Tên mẫu/Name of sample: | Theo phụ lục |
| 2. Vị trí lấy mẫu: Sampling location: | Theo phụ lục |
| 3. Mã mẫu | Theo phụ lục |
| 4. Tên/địa chỉ khách hàng: Name/Address of customer | Nhà máy nước sạch DNP Bắc Giang |
| 5. Mô tả mẫu/Description: | 04 Chai nhựa 1000 mL |
| 6. Ngày nhận mẫu/Date of receiving: | 08/02/2021 |
| 7. Người lấy/gửi mẫu/Sample taking: | Diệp Văn Hùng |
| 8. Thời gian thử nghiệm/ testing time: | 08/02 - 22/02/2021 |
| 9. Kết quả thử nghiệm/Test result: | |

TT No	Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Test result				Giới hạn cho phép Regular limit QCVN01-1:2018/BYT	Kết luận Conclusion
				01	02	03	04		
1	Coliform (*)	TCVN 6187-1:2009	CFU/100 mL	0	0	0	0	< 3	Đạt
2	E. coli (*)	TCVN 6187-1:2009	CFU/100 mL	0	0	0	0	< 1	Đạt
3	As tổng số (*)	SMEWW 3113B	µg/L	KPH	KPH	KPH	< 3	10	Đạt
4	Clo dư tự do (*)	SMEWW 4500 Cl F	mg/L	0.79	0.63	0.52	0.32	0.2 - 1.0	Đạt
5	Độ đục (*)	TCVN 6184-1996	NTU	0.03	0.05	0.06	0.11	2	Đạt
6	Màu sắc	TCVN 6185:1996	TCU	< 3	< 3	< 3	< 3	15	Đạt
7	Mùi, vị (*)	Cảm quan	mg/L	Không mùi, vị lạ	Không mùi, vị lạ	Không mùi, vị lạ	Không mùi, vị lạ	Không mùi, vị lạ	Đạt
8	pH (*)	TCVN 6492:1999	mg/L	7.90	7.80	7.81	7.63	6.0 - 8.5	Đạt
9	Chỉ số Permanganat (*)	TCVN 6186:1996	mg/L	1.22	1.34	1.34	1.15	2	Đạt
10	Độ cứng (*)	SMEWW 2340C	mg/L	102	96	92	134	300	Đạt
11	Clorua, Cl ⁻ (*)	TCVN 6194:1996	mg/L	9.00	8.82	8.47	17.28	250	Đạt
12	Mn tổng số (*)	SMEWW 3111B	mg/L	KPH	KPH	KPH	KPH	0.1	Đạt
13	Nhôm	SMEWW 3500-AL B	mg/L	0.10	0.11	0.10	0.06	0.2	Đạt
14	Nitrat (N-NO ₃ ⁻) (*)	TCVN 6180 :1996	mg/L	0.29	0.25	0.29	0.64	2	Đạt
15	Nitrit (N-NO ₂ ⁻) (*)	SMEWW4500 NO ₂ B	µg/L	KPH	KPH	KPH	KPH	0.05	Đạt
16	Sắt tổng số (*)	SMEWW 3111B	mg/L	KPH	KPH	KPH	KPH	0.3	Đạt
17	Sunphat (SO ₄ ²⁻)	US EPA 375.4	mg/L	8.45	6.91	6.99	7.89	250	Đạt

Ghi chú:

- (*) : Phép thử được công nhận VILAS.
- QCVN 01-1:2018/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch dùng cho mục đích sinh hoạt.
- KPH: Không phát hiện; giới hạn phát hiện của NO₂⁻: 0.0015 mg/L; Mn: 0.01 mg/L; Fe: 0.015 mg/L; As: 1 µg/L.

Bắc Giang, ngày 22 tháng 02 năm 2021

XÉT NGHIỆM VIÊN

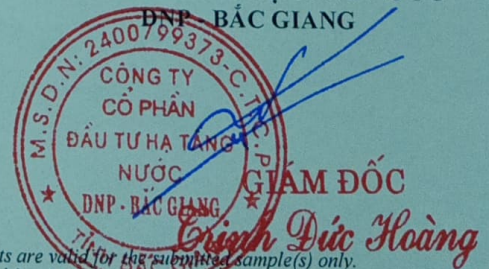
PHÒNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG

CÔNG TY CPĐT HẠ TẦNG NƯỚC

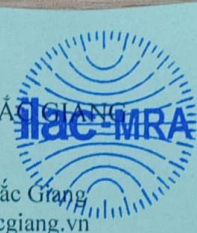
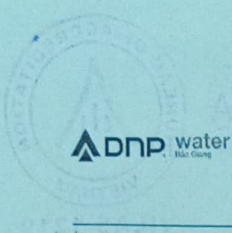
DNP - BẮC GIANG

Đào Thị Ngọc Hà

Nguyễn Mạnh Cường



- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/Test results are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Phòng Quản lý chất lượng/ The test report must not be reproduced without the written approval of Quality control department.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
- Phiếu kết quả này được làm thành 02 bản: 01 bản trả cho khách hàng, 01 bản lưu tại Phòng QLCL/ The test result are printed in 02 documents; 01 document is given to customer; 01 document is stored at Quality control department



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Số/No: 23/QM-DNPBG

PHỤ LỤC

TT	Mã mẫu	Vị trí lấy mẫu	Tên mẫu	Ký hiệu mẫu
1	0221128/495	Sau bơm II, Nhà máy nước DNP Bắc Giang	Nước sinh hoạt	01
2	0221128/496	Điểm đầu nối Minh Khai	Nước sinh hoạt	02
3	0221128/497	Điểm đầu nối Song Khê	Nước sinh hoạt	03
4	0221128/498	Hộ dân Hoàng Văn Huy, Thôn Nguyên, Mỹ Thái, huyện Lạng Giang.	Nước sinh hoạt	04

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/Test results are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Phòng Quản lý chất lượng/
The test report must not be reproduced without the written approval of Quality control department.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
- Phiếu kết quả này được làm thành 02 bản: 01 bản trả cho khách hàng, 01 bản lưu tại Phòng QLCL/
The test result are printed in 02 documents: 01 document is given to customer; 01 document is stored at Quality control department

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Số/No: 27/QM-DNPBG

- | | |
|---|---------------------------------|
| 1. Tên mẫu/Name of sample: | Theo phụ lục |
| 2. Vị trí lấy mẫu: Sampling location: | Theo phụ lục |
| 3. Mã mẫu | Theo phụ lục |
| 4. Tên/địa chỉ khách hàng: Name/Address of customer | Nhà máy nước sạch DNP Bắc Giang |
| 5. Mô tả mẫu/Description: | 04 Chai nhựa 1000 mL |
| 6. Ngày nhận mẫu/Date of receiving: | 18/02/2021 |
| 7. Người lấy/gửi mẫu/Sample taking: | Diệp Văn Hùng |
| 8. Thời gian thử nghiệm/ testing time: | 18/02 - 23/02/2021 |
| 9. Kết quả thử nghiệm/Test result: | |

TT No	Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Test result				Giới hạn cho phép Regular limit QCVN01-1:2018/BYT	Kết luận Conclusion
				01	02	03	04		
1	Coliform (*)	TCVN 6187-1:2009	CFU/100 mL	0	0	0	0	< 3	Đạt
2	E. coli (*)	TCVN 6187-1:2009	CFU/100 mL	0	0	0	0	< 1	Đạt
3	As tổng số (*)	SMEWW 3113B	µg/L	KPH	KPH	KPH	KPH	10	Đạt
4	Clo dư tự do (*)	SMEWW 4500 Cl F	mg/L	0.91	0.58	0.33	0.32	0.2 - 1.0	Đạt
5	Độ đục (*)	TCVN 6184-1996	NTU	0.20	0.16	0.10	0.18	2	Đạt
6	Màu sắc	TCVN 6185:1996	TCU	< 3	< 3	< 3	< 3	15	Đạt
7	Mùi, vị (*)	Cảm quan	mg/L	Không mùi, vị lạ	Không mùi, vị lạ	Không mùi, vị lạ	Không mùi, vị lạ	Không mùi, vị lạ	Đạt
8	pH (*)	TCVN 6492:1999	mg/L	7.57	7.77	7.78	7.76	6.0 - 8.5	Đạt
9	Chỉ số Permanganat (*)	TCVN 6186:1996	mg/L	0.83	0.83	0.83	0.89	2	Đạt
10	Độ cứng (*)	SMEWW 2340C	mg/L	97	138	138	129	300	Đạt
11	Clorua, Cl ⁻ (*)	TCVN 6194:1996	mg/L	9.88	15.16	11.99	9.52	250	Đạt
12	Mn tổng số (*)	SMEWW 3111B	mg/L	KPH	KPH	KPH	KPH	0.1	Đạt
13	Nhôm	SMEWW 3500-AL B	mg/L	0.10	0.14	0.14	0.14	0.2	Đạt
14	Nitrat (N-NO ₃) (*)	TCVN 6180 :1996	mg/L	0.29	0.46	0.47	0.41	2	Đạt
15	Nitrit (N-NO ₂) (*)	SMEWW4500 NO ₂ B	µg/L	KPH	KPH	KPH	KPH	0.05	Đạt
16	Sắt tổng số (*)	SMEWW 3111B	mg/L	KPH	KPH	KPH	KPH	0.3	Đạt
17	Sunphat (SO ₄ ²⁻)	US EPA 375.4	mg/L	8.49	6.91	7.96	7.85	250	Đạt

Ghi chú:

- (*) : Phép thử được công nhận VILAS.
- QCVN 01-1:2018/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch dùng cho mục đích sinh hoạt.
- KPH: Không phát hiện; giới hạn phát hiện của NO₃⁻: 0.0015 mg/L; Mn: 0.01 mg/L; Fe: 0.015 mg/L; As: 1 µg/L.

Bắc Giang, ngày 23 tháng 02 năm 2021

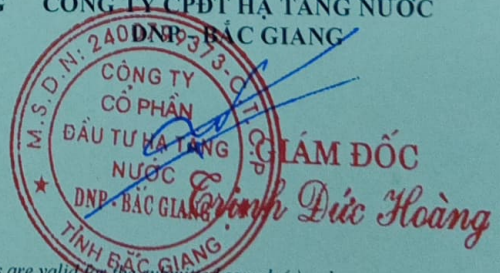
KẾT NGHIỆM VIÊN

PHÒNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG

CÔNG TY CPĐT HẠ TẦNG NƯỚC

Đào Thị Ngọc Hà

Nguyễn Mạnh Cường



- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/Test results are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Phòng Quản lý chất lượng/The test report must not be reproduced without the written approval of Quality control department.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
- Phiếu kết quả này được làm thành 02 bản: 01 bản trả cho khách hàng, 01 bản lưu tại Phòng QLCL/The test result are printed in 02 documents; 01 document is given to customer; 01 document is stored at Quality control department

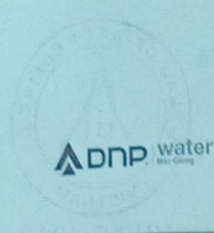
PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Số/No: 27/QM-DNPBG

PHỤ LỤC

TT	Mã mẫu	Vị trí lấy mẫu	Tên mẫu	Ký hiệu mẫu
1	0221153/587	Sau bơm II, Nhà máy nước DNP Bắc Giang	Nước sinh hoạt	01
2	0221153/588	Điểm đầu nối Minh Khai	Nước sinh hoạt	02
3	0221153/589	Điểm đầu nối Song Khê	Nước sinh hoạt	03
4	0221153/590	Hộ dân Phạm Quang Tĩnh, Tân Hòa, Xương Lâm, huyện Lạng Giang.	Nước sinh hoạt	04

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/Test results are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Phòng Quản lý chất lượng/
The test report must not be reproduced without the written approval of Quality control department.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
- Phiếu kết quả này được làm thành 02 bản: 01 bản trả cho khách hàng, 01 bản lưu tại Phòng QLCL/
The test result are printed in 02 documents; 01 document is given to customer; 01 document is stored at Quality control department



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG NƯỚC DNP-BẮC GIANG
PHÒNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG

Địa chỉ: Thôn Càn, xã Hương Sơn, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang
Tel: 0961483169; Email: lab@dnpcorp.vn; Website: http://dnpbacgiang.vn



VILAS 1219

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Số/No: 32/QM-DNPBG

- Tên mẫu/Name of sample: Theo phụ lục
- Vị trí lấy mẫu: Sampling location: Theo phụ lục
- Mã mẫu: Theo phụ lục
- Tên/địa chỉ khách hàng: Name/Address of customer: Nhà máy nước sạch DNP Bắc Giang
- Mô tả mẫu/Description: 04 Chai nhựa 1000 mL
- Ngày nhận mẫu/Date of receiving: 24/02/2021
- Người lấy/gửi mẫu/Sample taking: Diệp Văn Hùng
- Thời gian thử nghiệm/ testing time: 24/02 - 04/03/2021
- Kết quả thử nghiệm/Test result:

TT No	Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Test result				Giới hạn cho phép Regular limit QCVN01-1:2018/BYT	Kết luận Conclusion
				01	02	03	04		
1	Coliform (*)	TCVN 6187-1:2009	CFU/100 mL	0	0	0	0	< 3	Đạt
2	E. coli (*)	TCVN 6187-1:2009	CFU/100 mL	0	0	0	0	< 1	Đạt
3	As tổng số (*)	SMEWW 3113B	µg/L	KPH	KPH	KPH	KPH	10	Đạt
4	Clo dư tự do (*)	SMEWW 4500 Cl F	mg/L	0.80	0.48	0.30	0.30	0.2 - 1.0	Đạt
5	Độ đục (*)	TCVN 6184-1996	NTU	0.26	0.20	0.22	0.18	2	Đạt
6	Màu sắc	TCVN 6185:1996	TCU	< 3	< 3	< 3	< 3	15	Đạt
7	Mùi, vị (*)	Cảm quan	mg/L	Không mùi, vị lạ	Không mùi, vị lạ	Không mùi, vị lạ	Không mùi, vị lạ	Không mùi, vị lạ	Đạt
8	pH (*)	TCVN 6492:1999	mg/L	7.72	7.74	7.73	7.54	6.0 - 8.5	Đạt
9	Chỉ số (*) Permanganat	TCVN 6186:1996	mg/L	0.80	0.77	0.64	0.51	2	Đạt
10	Độ cứng (*)	SMEWW 2340C	mg/L	86	92	88	96	300	Đạt
11	Clorua, Cl (*)	TCVN 6194:1996	mg/L	8.90	9.17	9.17	10.94	250	Đạt
12	Mn tổng số (*)	SMEWW 3111B	mg/L	KPH	KPH	KPH	KPH	0.1	Đạt
13	Nhôm	SMEWW 3500-AL B	mg/L	0.13	0.13	0.13	0.10	0.2	Đạt
14	Nitrat (N-NO ₃) (*)	TCVN 6180 :1996	mg/L	0.23	0.25	0.26	0.32	2	Đạt
15	Nitrit (N-NO ₂) (*)	SMEWW4500 NO ₂ :B	µg/L	KPH	KPH	KPH	KPH	0.05	Đạt
16	Sắt tổng số (*)	SMEWW 3111B	mg/L	KPH	KPH	KPH	< 0.05	0.3	Đạt
17	Sunphat (SO ₄ ²⁻)	US EPA 375.4	mg/L	9.09	8.87	8.41	8.56	250	Đạt

Ghi chú:

- (*) : Phép thử được công nhận VILAS.
- QCVN 01-1:2018/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch dùng cho mục đích sinh hoạt.
- KPH: Không phát hiện; giới hạn phát hiện của NO₂: 0.0015 mg/L; Mn: 0.01 mg/L; Fe: 0.015 mg/L; As: 1 µg/L.

Bắc Giang, ngày 04 tháng 03 năm 2021

XÉT NGHIỆM VIÊN

PHÒNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG CÔNG TY CPĐT HẠ TẦNG NƯỚC DNP - BẮC GIANG

(Signature)

Đào Thị Ngọc Hà

(Signature)

Nguyễn Mạnh Cường



GIÁM ĐỐC
(Signature)
Trình Đức Hoàng

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/Test results are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Phòng Quản lý chất lượng/ The test report must not be reproduced without the written approval of Quality control department.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
- Phiếu kết quả này được làm thành 02 bản: 01 bản trả cho khách hàng, 01 bản lưu tại Phòng QLCL/ The test result are printed in 02 documents; 01 document is given to customer; 01 document is stored at Quality control department

DNP.QM.P.F 11/01

Lần ban hành: 01

Soát xét/ngày:

Trang: 1/2

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Số/No: 32/QM-DNPBG

PHỤ LỤC

TT	Mã mẫu	Vị trí lấy mẫu	Tên mẫu	Ký hiệu mẫu
1	0221166/655	Sau bơm II, Nhà máy nước DNP Bắc Giang	Nước sinh hoạt	01
2	0221166/656	Điểm đầu nối Minh Khai	Nước sinh hoạt	02
3	0221166/657	Điểm đầu nối Song Khê	Nước sinh hoạt	03
4	0221166/658	Hộ dân Nguyễn Văn Nhượng, Thôn Chùa, Xuân Hương, huyện Lạng Giang.	Nước sinh hoạt	04

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/Test results are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Phòng Quản lý chất lượng/
The test report must not be reproduced without the written approval of Quality control department.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
- Phiếu kết quả này được làm thành 02 bản: 01 bản trả cho khách hàng, 01 bản lưu tại Phòng QLCL/
The test result are printed in 02 documents; 01 document is given to customer; 01 document is stored at Quality control department